|  |  |
| --- | --- |
| HỘI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN  KHU VỰC DUYÊN HẢI, ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN BIÊN HOÀ, T. HÀ NAM**  **ĐỀ THI ĐỀ XUẤT** | **KỲ THI CHỌN HSG GIỎI LẦN THỨ XIV**  **MÔN THI: LỊCH SỬ – KHỐI 11**  **Ngày thi 15/07/2023**  **Thời gian làm bài 180 phút**  *(Đề thi gồm 01 trang)* |
|  |  |

**Câu 1. (3,0 điểm)**

Hãy giải thích vì sao Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm 1995 và đánh giá ý nghĩa của sự kiện này.

**Câu 2. (2,5 điểm)**

Nêu đặc điểm của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai do thực dân Pháp tiến hành ở Đông Dương. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa này nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến như thế nào?

**Câu 3. (3,0 điểm)**

Phát biểu suy nghĩ của anh/chị về nhận định: Hoạt động của tư sản Việt Nam trong những năm 1919 - 1925 mang tính chất cải lương.

**Câu 4. (3,0 điểm)**

Phân tích sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình chuẩn bị và thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (1920-1930). Ý nghĩa của sự sáng tạo đó?

**Câu 5. (3,0 điểm)**

Phân tích sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc chớp thời cơ giành chính quyền trong Cách mạng thánh Tám 1945. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho hoạt động đối ngoại của đất nước hiện nay?

**Câu 6. (3,0 điểm)**

Cuộc đấu tranh ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thể hiện như thế nào từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946? Đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam nhằm bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.

**Câu 7. (2,5 điểm )**

[Tại sao nói toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu khách quan, không thể đảo ngược?](http://dangthihop.blogspot.com/2016/03/toan-cau-hoa-la-gi-bieu-hien-tai-sao.html) Toàn cầu hóa là thời cơ đồng thời cũng tạo ra những thách thức đối với Việt Nam như thế nào?

**-------------- Hết ----------------**

Họ và tên thí sinh: ……………………………………….SBD:…………………………..

Họ và tên giám thị số 1: …………………………………………………………………...

Họ và tên giám thị số 2: …………………………………………………………………...

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| HỘI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN  KHU VỰC DUYÊN HÀI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN BIÊN HÒA, TỈNH HÀ NAM** | **KỲ THI MÔN LỊCH SỬ LỚP 11**  **Năm học: 2022 - 2023** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN LỊCH SỬ LỚP 11**

(Hướng dẫn chấm gồm 09 trang)

**Câu 1. (3,0 điểm)**

Hãy giải thích vì sao Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm 1995 và đánh giá ý nghĩa của sự kiện này.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Hãy giải thích vì sao Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm 1995 và đánh giá ý nghĩa của sự kiện này.** | **3,0 đ** |
| ***\* Giải thích*** |  |
| - Do thành công của các tổ chức liên kết khu vực thúc đẩy VN gia nhập ASEAN. | 0,25 |
| - Do nhu cầu hợp tác, phát triển sau khi giành được độc lập nhằm thu hút vốn, KHKT,... | 0,25 |
| - Do đường lối đối ngoại của VN từ 1986 xác định: đẩy mạnh quan hệ hợp tác, đa phương hóa, đa dạng hóa, tích cực hội nhập thế giới và khu vực. Đối với khu vực, Đảng nhấn mạnh việc phát triển quan hệ với các nước ASEAN và Châu Á-Thái Bình Dương là mục tiêu hàng đầu trong chính sách đối ngoại. | 0,5 |
| - Do tác động tích cực từ bối cảnh khu vực và thế giới: Thập niên 90 của TK XX có những điều kiện thuận lợi để VN gia nhập ASEAN: “chiến tranh lạnh” kết thúc, xu thế hòa bình, hữu nghị, hợp tác, cách mạng KHKT đã thúc đẩy toàn cầu hóa, khu vực hóa, “vấn đề Campuchia” được giải quyết đã chấm dứt tình trạng đối đầu căng thẳng ở khu vực.  → 1992, VN tham gia hiệp ước Bali, đặt cơ sở cho việc tham gia ASEAN. 28/7/1995, VN trở thành thành viên chính thức của ASEAN. | 0,5 |
| ***⃰ Ý nghĩa:*** |  |
| - Là cầu nối hội nhập cho Việt Nam từ khu vực ra thế giới, mở ra những cơ hội mới cho Việt Nam để phát triển đất nước, nâng cao vị thế trong khu vực. | 0,5 |
| - Đánh dấu sự phát triển của ASEAN, chấm dứt nửa thế kỉ Đông Nam Á bị chia thành hai trận tuyến đối đầu nhau, mở ra thời kì các bên tăng cường hợp tác cùng phát triển | 0,5 |
| - Uy tín và vị thế của ASEAN được nâng cao, mở ra triển vọng về một ASEAN bao gồm tất cả các nước trong khu vực Đông Nam Á. | 0,5 |

**Câu 2. (2,5 điểm)**

Nêu đặc điểm của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai do thực dân Pháp tiến hành ở Đông Dương. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa này nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến như thế nào?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 2** | **Nêu đặc điểm của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai do thực dân Pháp tiến hành ở Đông Dương. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa này nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến như thế nào?** | **2,5 đ** |
| ***⃰ Đặc điểm:*** |  |
| - Mục đích: nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục nền kinh tế và địa vị của Pháp trong thế giới tư bản. | 0,25 |
| - Quy mô và tốc độ đầu tư:  + Đầu tư khai thác của Pháp ở lần 2 tăng cả về quy mô và tốc độ. Trong vòng 6 năm (1924-1929), số vốn đầu tư vào Đông Dương (chủ yếu là Việt Nam) tăng lên tới 4 tỉ frăng (gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh).  + Trong tổng số vốn đầu tư cho Đông Dương, vốn đầu tư của tư bản tư nhân Pháp là chủ yếu. | 0,5 |
| - Hướng đầu tư:  + Ngành được ưu tiên nhất là nông nghiệp, chủ yếu là đồn điền cao su. Số vốn dành cho nông nghiệp chiếm khoảng 1/3 tổng số vốn đầu tư trong thời kỳ này.  + Tư bản Pháp vẫn tăng cường đẩy mạnh hoạt động khai thác khoáng sản và một số ngành nghề kinh tế khác. | 0,5 |
| ***⃰ Chuyển biến về kinh tế:*** |  |
| - Tính chất của nền kinh tế: Nền kinh tế Việt Nam mang tính chất thực dân nửa phong kiến. | 0,25 |
| - Cơ cầu kinh tế có chuyển biến ít nhiều:  + Cơ cấu ngành kinh tế: xuất hiện những ngành kinh tế mới: công nghiệp, giao thông vận tải, tài chính – ngân hàng. | 0,25 |
| + Cơ cấu vùng kinh tế: xuất hiện những vùng kinh tế mới: vùng mỏ, đồn điền với sự tập trung nguồn vốn, kỹ thuật và nhân lực của tư bản Pháp; ra đời những đô thị mới, những trung tâm kinh tế mới. | 0,25 |
| + Cơ cấu thành phần kinh tế: xuất hiện những thành phần kinh tế mới: tư bản tư nhân, tư bản nhà nước, tiểu thương, tiểu chủ. | 0,25 |
| - Sự chuyển biến chỉ có tính chất cục bộ ở một số ngành, một số vùng, còn phổ biến vẫn trong tình trạng nghèo nàn và lạc hậu, ngày càng bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp. | 0,25 |

**Câu 3. (3,0 điểm)**

Phát biểu suy nghĩ của anh/chị về nhận định: Hoạt động của tư sản Việt Nam trong những năm 1919 - 1925 mang tính chất cải lương.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 3** | **Phát biểu suy nghĩ của anh/chị về nhận định: Hoạt động của tư sản Việt Nam trong những năm 1919-1925 mang tính chất cải lương.** | **3.0 đ** |
| ***- Khẳng định:*** nhận định đúng | *0,25* |
| ***\* Chứng mình:***  *- Giới thiệu hoạt động của tư sản Việt Nam:*  + Tư sản Việt Nam ra đời từ trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp, giai cấp tư sản Việt Nam sớm bị tư sản Pháp và tư sản nước ngoài cạnh tranh, chèn ép. Họ có ý thức dân tộc, sớm tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản nên đã sớm đứng lên đấu tranh nhằm giành lấy một vị trí khá hơn trong nền kinh tế Việt Nam. | *0,25* |
| *+* Năm 1919, tư sản Việt Nam đã tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa kiều, phát động phong trào “chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa”  + Năm 1923, địa chủ và tư sản Việt Nam đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu lúa gạo Nam Kì  + Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kì lập ra Đảng Lập hiến … | *0,25*  *0,25* |
| + Hoạt động của giai cấp tư sản ở Việt Nam trong những năm 1919-1925 có tác dụng cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân ta và góp phần chuẩn bị điều kiện cho những phong trào đấu tranh sau. | *0,25* |
| - *Những hoạt động này mang tính cải lương vì:* |  |
| + Mục tiêu: chỉ đòi quyền lợi cho tầng lớp trên hoặc đòi thay đổi một số chính sách trong khuôn khổ chế độ thuộc địa, không hướng tới lật đổ chế độ thực dân phong kiến, không nhằm chuẩn bị lực lượng để tiến lên làm cách mạng giải phóng dân tộc, coi những mục tiêu trước mắt cũng là mục tiêu cuối cùng. | *0,5* |
| + Về hình thức, phương pháp đấu tranh: tư sản dân tộc chỉ phát động những cuộc đấu tranh bằng những hình thức công khai hợp pháp, không chuẩn bị cho bạo lực cách mạng… | *0,5* |
| + Về tổ chức: Đảng Lập hiến chỉ tập hợp tư sản và địa chủ lớp trên. Mặc dù có đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do dân chủ để lôi kéo quần chúng, nhưng lại dễ dàng thỏa hiệp. | *0,5* |
| =>Kết luận: Phong trào chỉ giới hạn trong khuôn khổ của chế độ thực dân phong kiến, phục vụ quyền lợi của các tầng lớp trên nên nhanh chóng bị phong trào quần chúng vượt qua | *0,25* |

**Câu 4. (3,0 điểm)**

Phân tích sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình chuẩn bị và thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (1920-1930). Ý nghĩa của sự sáng tạo đó?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 4** | **Phân tích sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình chuẩn bị và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930). Ý nghĩa của sự sáng tạo đó ?** | **3,0 đ** |
| ***\* Sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình chuẩn bị thành lập Đảng*** |  |
| - Sáng tạo trong việc xây dựng lý luận cách mạng giải phóng dân tộc: Người không sao chép nguyên văn lí luận của chủ nghĩa Mác – Lê - nin mà vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện lịch sử cụ thể ở nước Việt Nam thuộc địa. Từ đó xây dựng lên lí luận cách mạng giải phóng dân tộc và truyền bá vào Việt Nam... | 0,5 |
| - Sáng tạo trong quá trình truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam:  + Truyền bá thông qua sách báo, tài liệu: các tờ báo Nhân đạo, Sự thật, Người cùng khổ, Thanh niên,… các bài phát biểu, tham luận của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị Quốc tế Nông dân, Hội nghị Quốc tế Phụ nữ,… các tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”, “Đường kách mệnh”,… | 0,5 |
| + Người không thành lập ngay 1 chính đảng mà thành lập 1 tổ chức cách mạng – tổ chức tiền thân của Đảng. Đó là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hội đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam thông qua phong trào “vô sản hóa”, chuẩn bị về mặt tổ chức, huấn luyện đào tạo cán bộ chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng... | 0,5 |
| ***\* Sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng:*** |  |
| - Sáng tạo về tổ chức: Người thống nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam thay vì một đảng chung của ba nước Đông Dương,… thể hiện sự sáng tạo trong quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về việc giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương,… | 0,5 |
| - Nguyễn Ái Quốc có nhiều sáng tạo trong việc xác định đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng Việt Nam:  + Tại Hội nghị thành lập Đảng, Đảng ta đã thông qua chính cương vắn tắt, sách lược văn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Mặc dù là vắn tắt nhưng đã phản ánh đường lối đúng đắn của Đảng ta, giương cao ngọn cờ dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, không nặng đấu tranh giai cấp.  + Chủ trương tập hợp lực lượng toàn dân tộc từ quần chúng nhân dân lao động đến các tầng lớp trên. | 0,5 |
| ***\* Ý nghĩa của sự sáng tạo đó:*** |  |
| - Chủ nghĩa Mác-Lê-nin và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện xâm nhập vào phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở nước ta. Nhờ đó, các yếu tố để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam sớm xuất hiện. | 0,25 |
| - Những sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc còn đặt ra nền móng vững chắc cho nhiều sáng tạo của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong quá trình đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc. | 0,25 |

**Câu 5. (3,0 điểm)**

Phân tích sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc chớp thời cơ giành chính quyền trong Cách mạng thánh Tám 1945. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho hoạt động đối ngoại của đất nước hiện nay?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 5** | **Phân tích sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc chớp thời cơ giành chính quyền trong Cách mạng thánh Tám 1945. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho hoạt động đối ngoại của đất nước hiện nay?** | **3.0 đ** |
|  | ***1. Sáng tạo trong việc xác định đúng “thời cơ”*** |  |
| - Sau khi Nhật đảo chính Pháp 9/3/1945, thời cơ cách mạng đã xuất hiện nhưng chưa chín muồi. Vì vậy, Đảng chủ trương phát động phong trào khởi nghĩa từng phần, tạo tiền đề cho Tổng khởi nghĩa khi thời cơ chín muồi… | 0.25 |
| - Ngày 15/8/1945, Nhật đầu hàng đồng minh tạo ra thời cơ chín muồi: Kẻ thù chính đã gục ngã; quần chúng và các lực lượng trung gian đã ngả hẳn về phía cách mạng; Đảng sẵn sàng khởi nghĩa giành chính quyền. | 0.25 |
| - Thời cơ chỉ tồn tại: từ khi Nhật đầu hàng đồng minh đến trước khi quân đồng minh vào Đông Dương. Vào cuối tháng 8 đầu tháng 9 - 1945, khi quân Đồng minh kéo vào, thời cơ đã qua, nhân dân Việt Nam không còn cơ hội khởi nghĩa giành chính quyền; nếu đứng lên khởi nghĩa thì phải đối mặt với nhiều kẻ thù cùng một lúc. | 0.25 |
| - Từ khi Nhật đầu hàng đến khi quân Đồng minh kéo vào nước ta, "thời cơ ngàn năm có một" xuất hiện tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho nhân dân ta khởi nghĩa giành chính quyền: Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, tầng lớp trung gian ngả hẳn về phía cách mạng, Đảng ta đã chuẩn bị đầy đủ, nhân dân đã sẵn sàng… | 0.25 |
| ***2. Sáng tạo trong việc chớp thời cơ, đề ra chủ trương đúng đắn, kịp thời.*** |  |
| - Ngày 13 - 8 - 1945, ngay sau khi nhận được tin Nhật Bản sắp đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban khỏi nghĩa toàn quốc, ban bố "Quân lệnh số 1", chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. | 0.25 |
| - Ngay sau đó (ngày 14 và 15 - 8 - 1945), Hội nghị toàn quốc của Đảng được triệu tập tại Tân Trào (Tuyên Quang), thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền. | 0.25 |
| - Tiếp đó, khi Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa kết thúc, từ ngày 16 đến ngày 17 - 8 - 1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. | 0.25 |
| - Chiều 16 - 8 - 1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy nhanh chóng tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc tổng khởi nghĩa. Các địa phương cũng vận dụng linh hoạt lệnh Tổng khởi nghĩa đứng lên giành chính quyền | 0.25 |
| - Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta chớp lấy thời cơ, giành chính quyền ở Hà Nội (19 - 8), Huế (23 - 8), Sài Gòn (25 - 8), quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong cả nước. Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước VNDCCH. | 0.25 |
| ***3. Bài học kinh nghiệm rút ra*** |  |
| - Trong thời kì mới, quan hệ đối ngoại Việt Nam không ngừng cải thiện, vận dụng thời cơ: tranh thủ nguồn vốn, những thành tựu khoa học-kĩ thuật để xây dựng đất nước và giao lưu phát triển KT-VH, Việt Nam là bạn với các nước. | 0.25 |
| - Việt Nam phải mở rộng quan hệ đối ngoại, củng cố tiềm lực đất nước, tham gia vào các tổ chức quốc tế : APEC, TPP, cộng đồng ASEAN,… Không chỉ có những thuận lợi và thời cơ mà bao giờ cũng kèm theo những khó khăn, nguy cơ; …. đòi hỏi phải đánh giá đúng tình hình, dự đoán chính xác thời cơ. | 0.5 |

**Câu 6. (3,0 điểm)**

Cuộc đấu tranh ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thể hiện như thế nào từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946? Đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam nhằm bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 6** | **Cuộc đấu tranh ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thể hiện như thế nào từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946? Đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam nhằm bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.** | **3.0 đ** |
| ***\* Cuộc đấu tranh ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946….*** |  |
| - Khái quát tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, nhấn mạnh thù trong giặc ngoài trong khi thực lực yếu… => *chú trọng đấu tranh ngoại giao...*  - ***Giai đoạn 1 (2/9/1945 – trước 6/3/1946):***  + *Bắc vĩ tuyến 16*: Đảng và Bác tìm mọi cách để tranh thủ Mĩ, dùng Mĩ để kiềm chế Tưởng, thực hiện sách lược hòa hoãn với Tưởng theo nguyên tắc “cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược”….  + *Nam vĩ tuyến 16*: Đảng và Bác lấy ngoại giao để cô lập thực dân Anh, tập trung lực lượng đánh Pháp ở Nam Bộ…  => Tránh cùng lúc đối phó nhiều kẻ thù, củng cố chính quyền cách mạng, hạn chế âm mưu chống phá của Tưởng….  - ***Giai đoạn 2 (6/3/1946 – trước 19/12/1946***):  + Pháp, Tưởng bắt tay với nhau…=> Đảng và Bác quyết định thực hiện sách lược *“hòa để tiến”,* chuyển từ đánh Pháp sang hòa Pháp đuổi Tưởng….  + Biểu hiện: kí với Pháp *Hiệp định Sơ bộ*, tổ chức hội nghị trù bị Đà Lạt, tham dự hội nghị Phông-ten-nơ-blô, kí *Tạm ước*….=> loại bớt kẻ thù, kéo dài thời gian hòa hoãn, chuẩn bị lực lượng đối phó với Pháp sau này…. | 0.5  0.5  0.5 |
|  | **\* Đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm…..** |  |
| ***- Đánh giá:***  + Là sự *kế thừa kế sách giữ nước* của cha ông và được *nâng lên tầm cao mới* trong thời đại HCM với tư tưởng *“cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược”*, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”....  + Trong bối cảnh sau CMT8 khi thực lực còn yếu, phải đối mặt cùng lúc nhiều kẻ thù... thì *đấu tranh ngoại giao trở thành mặt trận mũi nhọn, giữ vai trò quyết định* để bảo vệ chính quyền cách mạng, phân hóa và loại bớt kẻ thù, kéo dài thời gian hòa bình để chuẩn bị cho kháng chiến về sau...  + Đấu tranh ngoại giao *chưa giành thắng lợi cuối cùng* vì thực lực của ta chưa đủ mạnh trong khi thực dân Pháp theo đuổi lập trường thực dân hiếu chiến....=> giai đoạn sau ta phải tập trung vào đấu tranh quân sự là chính, kết hợp với ngoại giao để giành thắng lợi cuối cùng....  ***- Bài học kinh nghiệm:***  + Bài học kinh nghiệm: *ngoại giao mềm dẻo*, ngoại giao *có nguyên tắc*, *ngoại giao kết hợp với xây dựng sức mạnh thực lực của quốc gia....*  + Bối cảnh: *Trung Quốc là một nước lớn*, nhiều tiềm lực cả về kinh tế và quân sự, đang *có nhiều hành động xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam* ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa....  + Chủ trương của ta: *kiên trì đấu tranh ngoại giao với Trung Quốc* để giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, *tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế,* *tận dụng mối quan hệ với các nước lớn* như Mĩ, Nhật…để kiềm chế Trung Quốc, đồng thời tích cực *xây dựng sức mạnh toàn diện,* đặc biệt là kinh tế và quốc phòng để sẵn sàng cho tính huống xấu nhất.... | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |

**Câu 7. (2,5 điểm )**

[Tại sao nói toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu khách quan, không thể đảo ngược?](http://dangthihop.blogspot.com/2016/03/toan-cau-hoa-la-gi-bieu-hien-tai-sao.html) Toàn cầu hóa là thời cơ đồng thời cũng tạo ra những thách thức đối với Việt Nam như thế nào?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **7** | [**Tại sao nói toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu khách quan, không thể đảo ngược?**](http://dangthihop.blogspot.com/2016/03/toan-cau-hoa-la-gi-bieu-hien-tai-sao.html) **Toàn cầu hóa là thời cơ đồng thời cũng tạo ra những thách thức đối với Việt Nam như thế nào?** |  |
| ***a. Tại sao nói toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu khách quan…*** |  |
| - Toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Toàn cầu hóa không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người, mà là một xu thế phát triển khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược. | 0.25 |
| + *Trước hết,* toàn cầu hóa ra đời là do hệ quả tất yếu của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. Bắt nguồn từ yêu cầu sản xuất và đời sống, cuộc cách mạng khoa học – công nghê diễn ra trên quy mô lớn, tốc độ nhanh và đặt được những thành tựu kỳ diệu (đặc biệt là trong công nghệ thông tin liên lạc và giao thông vận tải) làm cho nền kinh tế thế giới và sự giao lưu kinh tế, văn hóa thế giới ngày càng mang tính toàn cầu hóa cao và mở rộng khả năng hợp tác toàn cầu trên mọi lĩnh vực. | 0.5 |
| + *Thứ 2*, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, tạo nên những thay đổi lớn về kinh tế, xã hội, hình thành 1 thị trường chung trên thế giới, làm tăng tính phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc... | 0.25 |
| + *Thứ 3*, do ảnh hưởng tiêu cực của cuộc cách mạng khoa học công nghê như: sự gia tăng dân số thế giới, tình trang ô nhiễm môi trường, sự biến đổi khí hậu, sự vơi cạn các nguồn tài nguyên, bệnh tật, hiểm nghèo, tai nạn lao động,... đòi hỏi sự hợp tác toàn cầu, sự góp sức chung của nhiều quốc gia để giải quyết. Như vậy, toàn câu hóa làm nảy sinh như cầu hội nhập quốc tế của tất cả các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển kt, nước lớn hay nước nhỏ, giàu hay nghèo... | 0.5 |
| ***b. Toàn cầu hóa là thời cơ đồng thời cũng tạo ra những thách thức đối với Việt Nam như thế nào?*** |  |
| - Toàn cầu hóa là hệ quả tất yếu của quá trình phát triển sản xuất cũng như cuộc cách mạng khoa học công nghệ. TCH là xu thế khách quan, là một xu thế không thể đảo ngược, nó có mặt tích cực, có mặt tiêu cực, nó vừa tạo ra thời cơ nhưng cũng có những thách thức đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. |  |
| *- Thời cơ:*  + Thúc đẩy sản xuất đưa lại sự tăng trưởng cao (nửa đầu TK 20, GDP của thế giới mới chỉ tăng 2,7 lần nhưng cuối thế kỉ tăng 5.2 lần, đồng thời nó góp phần chuyển biến cơ cấu của nền kinh tế. Điều đó đòi hỏi các nước đang pt trong đó có Việt Nam phải tiến hành cải cách sâu rộng để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. cơ hội tham gia vào các tổ chức.. thu hút vốn đầu tư, KHKT, king nghiệm quản lý, … để thúc đẩy nền kinh tế.  + Toàn cầu hóa tạo điều kiện thúc đẩy cuộc cải cách đẻ tạo hành lang pháp lý cũng như cải cách hành chính để tăng cường tính cạnh tranh có hiệu quả của nền kinh tế. | 0.5 |
| *- Thách thức:* Toàn cầu hóa làm trầm trọng thêm sự bất công trong xh, đào sâu hố ngăn cách giàu nghè trong từng nước và giữa các nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nước trong đó có Việt Nam bị cạnh tranh khốc liệt với thị trường quốc tế, đặc biệt là với các trung tâm kinh tế lớn.  + Toàn cầu hóa làm cho mọi mặt hoạt động của đời sống con người kém an toàn hơn như vấn đề an ninh mạng, ô nhiễm môi trường. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc, độc lập chủ quyền quốc gia cũng có thể bị xâm hại. | 0.5 |